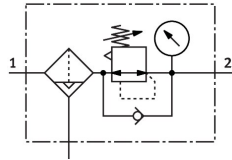


**Bộ lọc điều áp**  
**LFR-1-D-7-MAXI-A-MPA**  
 Số bộ phận: 8002315

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Maxi                                            |
| Dòng                                                       | D                                               |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                           |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | hoàn toàn tự động                               |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế                  |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 80 cm³                                          |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giò bảo vệ kim loại                             |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | với áp kế                                       |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...1.2 MPA<br>2 bar...12 bar             |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.5 bar...7 bar                                 |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.4 bar                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 11000 l/ph                                      |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:9:-]<br>Khí trơ |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                  |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4]<br>Khí trơ |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 5 °C...60 °C                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 5 °C...60 °C                                    |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 1470 g                                          |
| Kiểu gắn                                                   | tùy ý:<br>Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện     |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1                                              |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1                                              |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                   |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực<br>PC                            |